TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HN - ST
Ngày: 03 - 4 - 2024
"V/v Tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng và nghĩa vụ trả nợ chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Thanh Nhàn.
2. Bà Lê Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quế Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2023/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023. Về tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng và nghĩa vụ trả nợ chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST – HN ngày 15 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1952. Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T trình bày: Bà với ông Nguyễn Văn D do tìm hiểu quen biết, được gia đình hai bên đồng ý đi đến hôn nhân và có tổ chức lễ cưới năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long ngày 04/5/2006. Nữ trang cưới có một đôi bông nặng 01 chỉ vàng 24Kra, 01 sợi dây

chuyền nặng 04 chỉ vàng 24Kra và 01 vòng tay nặng 03 chỉ vàng 24Kra; tất cả vợ chồng đồng ý bán để chi tiêu, hiện nay không còn.

Sau khi cưới thì bà về sống bên nhà ông D, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 3/2023 thì phát sinh mâu thuẫn do ông D uống rượu say về hành hun, đánh đập và xúc phạm danh dự bà làm cho gia đình không hạnh phúc và đã ly thân cho đến nay không hàn gắn được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể hàn gắn lại với nhau được nữa, bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

- *Về con chung*: Tên Nguyễn Xuân K, sinh 17/4/2006; Nguyễn Xuân T1, sinh 21/01/2008 và Nguyễn Thanh D1, sinh 05/8/2014; khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, cháu T1 và cháu D1. Bà T yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi cháu K, cháu T1 và cháu D1 mỗi tháng 1.000.000đồng/cháu, cấp cho đến khi tròn 18 tuổi.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Bà T khai có nợ ông L là 2,5 chỉ vàng 24Kra; khi ly hôn bà T yêu cầu ông D phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông L, bà không phải trả.

Ông Nguyễn Văn D vắng mặt nên không có lời trình bày.

Theo ông Nguyễn Văn L có lời trình bày: Ông là cha ruột của bà T và là cha vợ của ông D, khi bà T và ông D còn sống chung với nhau có mượn của ông là 2,5 chỉ vàng 24Kra, mục đích mượn là để mua máy D chạy. Nay vợ chồng bà T và ông D mâu thuẫn nhau xin ly hôn thì ông không yêu cầu giải quyết số nợ này trong vụ án ly hôn, các con ông có thì trả không có thì thôi.

Vị đại điện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định theo Điều 48 của Bộ Luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp tống đạt các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 19, 51, 54, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé T.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé T không được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

2. Về án phí: Đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật, trừ trường hợp miễn nộp hoặc không phải nộp.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Bé T là nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt; ông Nguyễn Văn D là bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do; ông Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự trong vụ án và quan điểm của Viện kiểm sát. Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông D. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T và ông D có nơi cư trú tại ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Càng Long có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Về nội dung:

[3] Bà T và ông D xác lập quan hệ hôn nhân năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long theo quy định của pháp luật được thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 04/5/2006. Từ đó xác định hôn nhân giữa bà T và ông D là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo bà T cho rằng do ông D uống rượu say về hành hun, đánh đập và xúc phạm danh dự bà làm cho gia đình không hạnh phúc và đã ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay không hàn gắn được. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

Căn cứ vào biên bản xác minh từ phía địa phương và người biết sự việc cung cấp thì cuộc sống vợ chồng của bà T và ông D không hạnh phúc, do ông D không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu say về đánh đập bà T nhiều lần, do chịu đựng không nổi vì bị đánh đập thường xuyên nên bà T đã về nhà cha mẹ ruột cất nhà ở từ năm 2022 cho đến nay mạnh ai nấy sống; gia đình hai bên cũng đã hàn gắn nhưng không kết quả. Và tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà T cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông D không còn, hàn gắn không hạnh phúc. Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu

cầu xin ly hôn của bà T. Cho bà T và ông D được ly hôn với nhau là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Tên Nguyễn Xuân K, sinh 17/4/2006; Nguyễn Xuân T1, sinh 21/01/2008 và Nguyễn Thanh D1, sinh 05/8/2014 hiện sống với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, cháu T1 và cháu D1; xét thấy căn cứ vào lời khai thì nguyện vọng của cháu K, cháu T1 và cháu D1 muốn được tiếp tục sống với bà T. Do đó để đảm bảo tốt về điều kiện nuôi dưỡng cũng như phù hợp với nguyện vọng cháu K, cháu T1 và cháu D1; Hội đồng xét xử xét thấy khi ly hôn giao bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, cháu T1 và cháu D1 là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông D không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; xét thấy bà T yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi cháu K, cháu T1 và cháu D1 mỗi tháng 1.000.000đồng/cháu là hoàn toàn phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về tài sản chung: Đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà T cho rằng có nợ ông L là 2,5 chỉ vàng 24Kra. Do ông L không yêu cầu giải quyết trong vụ án hôn nhân của bà T và ông D nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; 228; 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 19, 56, 81, 82, 83 và Điều 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé T.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé T và ông Nguyễn Văn D được ly hôn.

2. Về con chung: Tên Nguyễn Xuân K, sinh 17/4/2006; Nguyễn Xuân T1, sinh 21/01/2008 và Nguyễn Thanh D1, sinh 05/8/2014 hiện sống với bà T. Khi ly hôn giao bà Nguyễn Thị Bé T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Xuân K, sinh 17/4/2006; cháu Nguyễn Xuân T1, sinh 21/01/2008 và cháu Nguyễn Thanh D1, sinh 05/8/2014 mỗi tháng 1.000.000đồng (Một triệu đồng)/cháu, cấp cho đến khi tròn 18 tuổi.

4. Về tài sản chung: Đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà Nguyễn Thị Bé T cho rằng có nợ ông Nguyễn Văn L là 2,5 chỉ vàng 24Kra. Do ông Nguyễn Văn L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bé T có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân. Đối với số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017803 ngày 17 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long được khấu trừ số tiền án phí mà bà T có nghĩa vụ chịu, do đó bà T không phải nộp.

Ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

“ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết ”.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận **:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện Càng Long;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Thanh Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Thanh